

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2020/HS-PT
Ngày 04 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm; ông Khuru Đề Dành.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng, ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên;

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y.

- *Bị cáo có kháng cáo:* A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993, nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông C, sinh năm 1949 và bà K, sinh năm 1969; vợ: I, sinh năm 1996; con L, sinh năm 2018; anh em có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà M, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bà N, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N. Nơi cư trú: số 1058 đường N, tổ 1, khóm M, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Anh B, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

1. Ông O, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Ông P, là Luật sư thuộc Công ty Luật K – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông C, sinh năm 1949, nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang (có mặt);

Anh D, sinh năm 1996, nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang (có mặt);

Anh Đ, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ 2, ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Người làm chứng:*

Ông E, sinh năm 1971 (có mặt);

Ông G, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Bà H, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Chị I, sinh năm 1996 (có mặt);

- *Người phiên dịch:* Ông Q, cán bộ Phòng Dân tộc Đài Phát thanh truyền hình tỉnh An Giang (có mặt).

Trong vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/7/2019, do tức giận việc B điều khiển xe mô tô biển số 65F4 – 2371 chạy vào lúa đang phơi trên đường lộ thuộc ấp T, xã H, huyện Y của ông C nên xảy ra cự cãi, C dùng dây thắt lưng đánh trúng vào vùng mặt và cằm của B gây thương tích, thì bị B dùng mũ bảo hiểm đánh lại nhiều cái trúng vào vùng đầu và cẳng tay trái của C, rồi bỏ xe mô tô chạy bộ được khoảng 500 mét thì ông E cha của B điện thoại và B nói cho E biết đang đánh nhau chạy bỏ lại xe, nên E điều khiển xe mô tô 67E1 – 1664 đến chờ B trở lại lấy xe. Lúc này, I nhìn thấy C và B đánh nhau nên truy hô, thì A (con ông C) từ trong nhà đi ra nhìn thấy đầu của C bị chảy máu và B đang chạy bộ về hướng huyện I cách A khoảng 20 mét, tức giận A vào nhà bếp lấy 01 cây dao dài 93cm và 01 khúc gỗ dài 92cm chạy theo để đuổi đánh B, được một đoạn nhưng không kịp thì gặp Đ (anh của A) và D, A nói cho cả hai biết sự việc, nên Đ điều khiển xe mô tô 67N7

– 3919 chở D, A đuổi theo thì gặp E và B đang điều khiển xe theo hướng ngược lại, nên dừng xe bước xuống A cầm khúc gỗ ném B nhưng không trúng, A tiếp tục dùng hai tay cầm dao chém 01 nhát từ trên xuống, B đưa tay trái lên đỡ trúng vào cổ tay gây thương tích, rồi A và B câu vật với nhau ngã xuống đường, thì được Đ, D và E can ngăn. Riêng, B được đưa đến Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh An Giang điều trị đến ngày 15/7/2019 xuất viện.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 244/19/TgT ngày 14/8/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang đối với B, kết luận:

1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là:

- Sẹo mặt trái kích thước 02 x 0.1 cm mờ, phẳng: 01 %
- Sẹo vùng cằm trái kích thước 3.5 x 0.2 cm, hơi lồi, sậm màu: 02 %
- Sẹo lưng phải kích thước 03 x 0.5 cm, phẳng, màu hồng: 01 %
- Sẹo lưng trái kích thước 6.5 x 0.5 cm, phẳng, màu hồng: 02 %
- Sẹo mặt trước cổ tay trái kích thước 7.5 x 01 cm, lồi, màu hồng: 06 %

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là: 12% (mười hai phần trăm). Thương tích không gây cố tật.

Công văn số 02/TLo-TTPY ngày 09/01/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang về việc cho biết cơ chế hình thành thương tích, thương tích do vật gì gây ra, như sau:

+ Sẹo mặt trái kích thước 02 x 0.1cm, mờ, phẳng và sẹo vùng cằm trái kích thước 3.5 x 0.2cm, hơi lồi, sậm màu: Vết thương có trục thẳng, đường giữa của sẹo phần tách rời tổ chức da liền sẹo thẳng gọn, đường chu vi của sẹo thẳng gọn, không thấy mô tổ chức tổn thương xung quanh: các sẹo này do vết thương để lại từ vật sắc bén tác động trực tiếp gây nên.

+ Sẹo lưng phải kích thước 03 x 0.5cm, phẳng, màu hồng và sẹo lưng trái kích thước 6.5 x 0.5cm, phẳng, màu hồng: Vết thương để lại sẹo có trục thẳng, đường giữa của sẹo phần tách rời tổ chức da liền sẹo thẳng gọn, đường chu vi của sẹo thẳng gọn, không thấy mô tổ chức tổn thương xung quanh: các sẹo này do vết thương để lại từ vật sắc bén tác động trực tiếp gây nên.

+ Sẹo mặt trước cổ tay trái kích thước 7.5 x 01cm, lồi, màu hồng. Sẹo tổn thương da dạng thẳng, phần tách rời mô tổ chức gây vết thương để lại sẹo có kích thước rộng, sẹo hơi lồi nhưng trục giữa của sẹo thẳng, đường chu vi của sẹo thẳng gọn, không thấy mô tổn thương quanh vết thương: vết thương do vật sắc bén gây nên.

Ngày 30/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Y khởi tố vụ án, khởi tố bị can A về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Cáo trạng số 12/CT-VKSTB-HS ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo: A về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y đã tuyên bố bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh B số tiền 31.361.000đ (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2020 bị cáo A có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo; ngày 25/5/2020 bị hại B kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo A, xem xét hành vi đồng phạm đối với C và D, yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 59.861.410 đồng (năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm mười đồng).

Ngày 20/5/2020, bị cáo đã nộp số tiền bồi thường 16.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005466 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh An Giang.

Ngày 31/8/2020, bị hại B có đơn xin rút kháng cáo; đồng thời có đơn xin rút yêu cầu xét xử hình sự đối với bị cáo A (có chứng thực của UBND xã H, huyện Y, tỉnh An Giang).

Ngày 04/9/2020, bị hại B có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức có thể cho bị cáo A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại B trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên việc rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi tố và xử lý hình sự đối với bị cáo. Về bồi thường thiệt hại, gia đình bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận mức bồi thường là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Về số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bồi thường thiệt hại mà bị cáo nộp trong giai đoạn điều tra và 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) mà bị cáo nộp sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại không có yêu cầu, đề nghị hoàn trả cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung:

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 244/19/TgT ngày 14/8/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang đối với B, kết luận:

1. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là:

- Sẹo mặt trái kích thước 02 x 0.1 cm mờ, phẳng: 01 %
- Sẹo vùng cằm trái kích thước 3.5 x 0.2 cm, hơi lồi, sậm màu: 02 %
- Sẹo lưng phải kích thước 03 x 0.5 cm, phẳng, màu hồng: 01 %

- Sẹo lưng trái kích thước 6.5 x 0.5 cm, phẳng, màu hồng: 02 %
- Sẹo mặt trước cổ tay trái kích thước 7.5 x 01 cm, lồi, màu hồng: 06 %

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là: 12%.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra, xử lý đối với A.

Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo A phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, bị cáo A đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06%. Hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu định tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân huyện Y kết án bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá, áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, quyết định xử phạt A 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng mức bồi thường thiệt hại, xem xét hành vi đồng phạm của C và D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo A; đồng thời trình bày đã nhận 75.000.000 đồng bồi thường thiệt hại, không yêu cầu gì thêm.

Với những lý lẽ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 155, Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự: hủy bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo, luật sư N trình bày: do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết bị hại rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo A, nên đồng quan điểm với Viện kiểm sát, đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 12 tháng 5 năm 2020. Ngày 14 tháng 5 năm 2020, bị cáo A kháng cáo. Ngày 25 tháng 5 năm 2020, bị hại B có kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

bị cáo và bị hại kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà M là người bào chữa cho bị cáo, ông O và ông P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; bị cáo đã có người bào chữa là bà N, bị hại không yêu cầu phải có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Một số nhân chứng vắng mặt nhưng đã có lời trình bày tại hồ sơ giai đoạn sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại B với tỷ lệ tổn thương cơ thể 06% theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 244/19/TgT ngày 14/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang. Con dao bằng kim loại mà bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm. Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, những tài liệu, vật chứng, kết luận giám định. Căn cứ quy định pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “cố ý gây thương tích”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “cố ý gây thương tích” và xử phạt bị cáo về tội danh này theo điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo

[2.2.1] Bị cáo A bị khởi tố, truy tố và xét xử hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự do có yêu cầu của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị hại cũng có một phần lỗi, để xem xét, cân nhắc, tuyên phạt bị cáo 01 (một) năm tù là đúng pháp luật.

[2.2.2] Ngày 14/5/2020, bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo do bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại và có thân nhân (anh của ông ngoại) là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh An Giang).

Ngày 25/5/2020, bị hại B kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo A, tăng mức bồi thường thiệt hại, xem xét hành vi đồng phạm của C và D.

Tuy nhiên, ngày 31/8/2020, bị hại B có đơn xin rút kháng cáo; đồng thời có đơn xin rút yêu cầu xét xử hình sự đối với bị cáo A (có chứng thực của UBND xã H, huyện Y, tỉnh An Giang).

[2.2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã làm rõ việc bị hại B rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo A, là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy,

Hội đồng xét xử quyết định căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Việc hủy bản án hình sự sơ thẩm là do bị hại rút yêu cầu khởi tố, không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý tịch thu tiêu hủy các vật chứng của vụ án.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và không có yêu cầu. Do đó, hoàn trả cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bồi thường thiệt hại mà bị cáo nộp trong giai đoạn điều tra và 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) mà bị cáo nộp sau khi xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 359, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang và đình chỉ vụ án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vành lưỡi trai mũ bảo hiểm; 01 lõi xóp mũ bảo hiểm cùng các mảnh vỡ; 01 miếng kim loại có kích thước 7 x 5cm; 02 chiếc dép quai kẹp; 01 khúc gỗ dài 92cm; 01 cây dao dài 93cm; 01 cây búa dài 32cm; 01 cái áo bằng vải, ngắn tay, màu xanh, có hoa văn màu trắng, trên áo có một vết rách tại vị trí dưới nách bên trái dài 7cm do không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y).

Hoàn trả cho bị cáo A số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) gồm: số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005389 ngày 09/01/2020 và số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005466 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Y
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Phòng KTNV và THA HS;
- Tòa Hình sự;
- PV 27;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Quách Tố Giang**